

Bản án số: **32/2024/DSST**
Ngày: 24/9/2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và bà Phạm Thị Thùy Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Bá Q, sinh năm 2004; Trú tại: thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1972; Trú tại: thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị Lưu V1, sinh năm 1998; Nơi ĐKKH: thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: 151 đường B, M, huyện B, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1952; Cùng trú tại: thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt. (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: C Quốc lộ A, khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Hoài P, sinh năm 1985; Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. (Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Bá Q trình bày:** Cha mẹ anh Q là ông Nguyễn Bá V và bà Đỗ Thị D. Cha mẹ anh Q có hai con chung gồm: anh Q và chị Nguyễn Thị Lưu V1. Ngoài ra, không còn con riêng, con chung nào khác. Bà D chết ngày 05/8/2023 không để lại di chúc. Bà D có cha mẹ ruột là ông Đỗ Ngọc A và bà

Nguyễn Thị S, ngoài ra bà D không có cha mẹ nuôi nào khác. Di sản mà bà D (mẹ anh Q) để lại là 01 Sổ tiết kiệm số seri AD 00022698861 đứng tên Đỗ Thị D gửi ngày 17/4/2023 với giá trị tài sản 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*) gửi tại Ngân hàng N– Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên. Số tiền này là tài sản chung của cha mẹ anh Q, do cha mẹ anh tích góp mà có.

Sau khi bà D chết, gia đình không thống nhất được việc phân chia số tiền trên vì ông bà ngoại anh Q (ông A, bà S) không thống nhất nên không thể phân chia được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q cũng như những thừa kế khác nên anh Q khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ anh Q để lại đối với số tiền 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*) gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên là tài sản chung của cha mẹ anh Q và chia di sản thừa kế của mẹ anh bà Đỗ Thị D theo quy định của pháp luật. Cụ thể, anh Q yêu cầu chia 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*) thành 02 phần bằng nhau, trong đó: cha anh Q là ông Nguyễn Bá V 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*); mẹ anh Q bà Đỗ Thị D 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*); Đối với số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) là di sản mà mẹ anh Q để lại, anh Q yêu cầu chia thành 05 phần bằng nhau (bao gồm cả tiền gốc và lãi) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bao gồm: ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Bá V, chị Nguyễn Thị Lưu V1 và Nguyễn Bá Q theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Bá V trình bày:* Ông V thống nhất với lời trình bày của anh Q, thừa nhận ông V và bà Đỗ Thị D kết hôn năm 1997; Ông V và bà D có hai người con chung là Nguyễn Bá Q và Nguyễn Thị Lưu V1; ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Đến năm 2023 bà D bị bệnh chết, không để lại di chúc. Di sản mà vợ ông V để lại là 01 sổ tiết kiệm số seri AD 00022698861 đứng tên Đỗ Thị D gửi ngày 17/4/2023 với giá trị tài sản 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*) gửi tại Ngân hàng N– Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên. Số tiền này là tài sản chung của vợ chồng ông V, bà D do vợ chồng ông V, bà D tích góp trong thời kỳ hôn nhân. Khi bà D chết thì gia đình không thống nhất, cụ thể cha mẹ bà D là ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S không đồng ý việc chia khoản tiền nói trên cho những người thừa kế. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đỗ Thị D để lại đối với số tiền gửi tiết kiệm là tài sản chung của ông V và bà D thì ông đồng ý. Ông V thống nhất chia khoản tiền gửi tiết kiệm 600.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng ông V, bà D trong đó: phần ông V 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*); phần bà Đỗ Thị D 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*).

Đối với số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) là di sản mà bà D để lại, ông V thống nhất ý kiến của anh Q yêu cầu chia thành 05 phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bao gồm: ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Bá V, chị Nguyễn Thị Lưu V1, và Nguyễn Bá Q theo quy định của pháp luật

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- *Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Lưu V1 trình bày:* Chị V1 là con ruột của ông Nguyễn Bá V, bà Đỗ Thị D. Cha mẹ chị V1 có hai người con chung gồm: chị V1 và anh Nguyễn Bá Q. Ngoài ra, không còn con riêng, con chung nào khác. Ông bà ngoại chị V1 là ông Đỗ Ngọc A và bà Nguyễn Thị S. Mẹ chị V1 (bà D) chết ngày 05/8/2023 không để lại di chúc. Sau khi mẹ

chị V1 chết, gia đình không thống nhất được việc phân chia số tiền 600.000.000đ mà mẹ chị V1 gửi tiết kiệm vì ông bà ngoại chị V1 (ông A, bà S) không thống nhất nên không thể phân chia được. Nay em trai chị V1 là anh Q yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền tiết kiệm mà mẹ chị V1 bà Đỗ Thị D gửi tại Ngân hàng N – chi nhánh huyện T thì chị V1 đồng ý. Đề nghị chia 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) thành 02 phần bằng nhau, trong đó: cha chị V1 là ông Nguyễn Bá V 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); mẹ chị V1 bà Đỗ Thị D 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); Đối với số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) là di sản mà mẹ chị V1 để lại thì chia thành 05 phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bao gồm: ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Bá V, chị Nguyễn Thị Lưu V1 và Nguyễn Bá Q theo quy định của pháp luật

- *Tại bản tự khai vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Đỗ Ngọc A trình bày:* Ông bà là cha mẹ ruột của chị Đỗ Thị D, ông bà có biết về khoản tiền tiết kiệm mà chị D gửi tiết kiệm là 600.000.000đ. Chị D chết không có để lại di chúc đối với khoản tiền này. Ông, bà không có ý kiến gì về khoản tiền nói trên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Tại bản trình bày ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T do ông Nguyễn Hoài P đại diện trình bày:*

Ngày 17/4/2023 bà Đỗ Thị D có đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên với số tiền gửi là 600.000.000đ, lãi suất 7,2%/năm; Ngân hàng phát hành sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00022698861 cho bà Đỗ Thị D, thời hạn từ 17/4/2023 đến 17/4/2024. Tính đến ngày 24/9/2024 thì số dư của khoản tiền tiết kiệm nói trên là 643.882.400đ gồm tiền gốc 600.000.000đ, lãi là 43.882.400đ. Căn cứ theo quy định về quản lý và sử dụng TGTK chung của vợ chồng bà Đỗ Thị D và ông Nguyễn Bá V với Ngân hàng ngày 17/4/2023 thì Ngân hàng sẽ chi trả tiền gửi tiết kiệm nói trên cho các bên đương sự theo quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Điều 33, Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình (HNGĐ) năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia số tiền 600.000.000đ gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T của vợ chồng ông V, bà D thành hai phần bằng nhau, ông V nhận 300.000.000đ, bà D nhận 300.000.000đ. Bà D chết, không để lại di chúc nên số tiền 300.000.000đ và tiền lãi gửi tiết kiệm bà D được chia thừa kế theo quy định của pháp luật, chia đều cho 05 người thừa kế gồm: Đỗ Ngọc A, Nguyễn Thị S, Nguyễn Bá V, Nguyễn Thị Lưu V1, Nguyễn Bá Q.

Về án phí: Bà S, ông A là người cao tuổi nên đề nghị HĐXX miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông V, anh Q, chị V1 chịu án phí DSST đối với kỳ phần được nhận theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Bá Q khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ anh Q là Đỗ Thị D với ông Nguyễn Bá V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đây là tranh chấp thừa kế tài sản. Tài sản tranh chấp và bị đơn đều ở tại huyện T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên theo khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu chia thừa kế: Bà Đỗ Thị D chết ngày 05/8/2023, không để lại di chúc về tài sản. Theo quy định tại Điều 623 BLDS năm 2015 thì thời hiệu thừa kế đối với động sản là 10 năm nên yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Bá Q còn trong thời hiệu pháp luật quy định.

Theo quy định Điều 611 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ngày chết của bà Đỗ Thị D ngày 05/8/2023 là thời điểm mở thừa kế đối với di sản của bà D.

[2.2] Về hàng thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đều thống nhất: Bà Đỗ Thị D có cha mẹ đẻ là ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1952; bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; Bà Đỗ Thị D có chồng là Nguyễn Bá V, sinh năm 1972; Bà D và ông V có 02 người con: chị Nguyễn Thị Lưu V1, sinh năm 1998; anh Nguyễn Bá Q, sinh năm 2004; không có con riêng, con nuôi.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của BLDS năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của bà Đỗ Thị D gồm ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Bá V, chị Nguyễn Thị Lưu V1, anh Nguyễn Bá Q.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá Q về việc chia thừa kế đối với di sản của mẹ anh Q bà Đỗ Thị D để lại là số tiền tiết kiệm đang được gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, sổ tiết kiệm đứng tên bà Đỗ Thị D, HĐXX thấy rằng:

- Sổ tiết kiệm có số seri AD 00022698861 gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T ngày 17/4/2023. Tên khách hàng là bà Đỗ Thị D. Các đương sự không ai tranh chấp về quyền sở hữu đối với số tiền trong sổ tiết kiệm này. Vì vậy, đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Bá V và bà Đỗ Thị D theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà D chết làm phát sinh quyền thừa kế đối với di sản bà D để lại là $\frac{1}{2}$ số tiền tiết kiệm hiện đang gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá Q về yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền tiết kiệm trên. Cụ thể:

- Sổ tiết kiệm số seri AD 00022698861 đứng tên bà Đỗ Thị D gửi ngày 17/4/2023 với giá trị 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*) gửi tại Ngân hàng N-Chi nhánh huyện T, tính đến ngày 24/9/2024 là: 600.000.000đ tiền gốc và

43.882.400đ tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi là: 643.882.400đ. Đây là tài sản chung vợ chồng bà Đỗ Thị D, ông Nguyễn Bá V.

Bà Đỗ Thị D và ông Nguyễn Bá V mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản và là 50% giá trị thẻ tiết kiệm: $643.882.400\text{đ} : 2 = 321.941.200\text{đ}$. Ông Nguyễn Bá V được hưởng: 321.941.200đ. Bà Đỗ Thị D được hưởng: 321.941.200đ.

Di sản thừa kế của bà D để lại mà anh Q yêu cầu chia cho anh Q và những người liên quan là 50% giá trị thẻ tiết kiệm có giá trị là: 321.941.200đ.

Kỉ phần thừa kế bà Đỗ Thị D được chia làm 05 phần, mỗi kỷ phần thừa kế của bà D được hưởng là $50\% : 5 = 10\%$ giá trị thẻ tiết kiệm. Ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Bá V, chị Nguyễn Thị Lưu V1, anh Nguyễn Bá Q mỗi người được hưởng 10% giá trị thẻ tiết kiệm tương đương số tiền 64.388.240đ.

Như vậy, ông Nguyễn Bá V được hưởng 50% giá trị thẻ tiết kiệm từ chia tài sản chung và 10% giá trị thẻ tiết kiệm do nhận thừa kế từ bà D. Tổng số tiền ông V được nhận là: $321.941.200\text{đ} + 64.388.240\text{đ} = 386.329.440\text{đ}$.

Ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Bá Q, chị Nguyễn Thị Lưu V1, mỗi người được nhận 64.388.240đ.

Kể từ ngày 25/9/2024 ông Nguyễn Bá V, ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Bá Q, chị Nguyễn Thị Lưu V1 còn được tiếp tục được hưởng phần lãi theo tỉ lệ ông Nguyễn Bá V 60%; ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Bá Q, chị Nguyễn Thị Lưu V1 mỗi người 10% của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T quy định đối với khoản tiền gửi có thời hạn của sổ tiết kiệm cho đến khi tất toán sổ tiết kiệm đứng tên Đỗ Thị D có số Serial AD 00022698861.

Ông Nguyễn Bá V, ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Bá Q, chị Nguyễn Thị Lưu V1 được quyền đến Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên để nhận số tiền là di sản thừa kế nêu trên và tiền lãi suất cho đến thời điểm được nhận tương ứng với số tiền được nhận.

[3] Về án phí: Ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Bá V phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là $64.388.240\text{đ} + 321.941.200\text{đ} = 386.329.440\text{đ} \times 5\% = 19.316.472\text{đ}$.

Anh Nguyễn Bá Q phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là $64.388.240\text{đ} \times 5\% = 3.219.412\text{đ}$.

Chị Nguyễn Thị Lưu V1 phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là $64.388.240\text{đ} \times 5\% = 3.219.412\text{đ}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự; Điều 33; điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ

luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế đối với sổ tiết kiệm số seri AD 00022698861 đứng tên bà Đỗ Thị D gửi ngày 17/4/2023 với giá trị 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên tính đến ngày 24/9/2024 có giá trị cả gốc và lãi là 643.882.400đ.

+ Anh Nguyễn Bá Q được nhận 64.388.240đ (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

+ Chị Nguyễn Thị Lưu V1 được nhận 64.388.240đ (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

+ Ông Đỗ Ngọc A được nhận 64.388.240đ (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị S được nhận 64.388.240đ (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

+ Ông Nguyễn Bá V được nhận 386.329.440đ (*Ba trăm tám mươi sáu triệu ba trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*).

Kể từ ngày 25/9/2024 ông Nguyễn Bá V, ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Bá Q, chị Nguyễn Thị Lưu V1 còn được tiếp tục được hưởng phần lãi theo tỉ lệ ông Nguyễn Bá V 60%; ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Bá Q, chị Nguyễn Thị Lưu V1 mỗi người 10% của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T quy định đối với khoản tiền gửi có thời hạn của sổ tiết kiệm cho đến khi tất toán sổ tiết kiệm đứng tên Đỗ Thị D có số Serial AD 00022698861.

Ông Nguyễn Bá V, ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Bá Q, chị Nguyễn Thị Lưu V1 được quyền đến Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên để nhận số tiền là di sản thừa kế nêu trên và tiền lãi suất cho đến thời điểm được nhận tương ứng với số tiền được nhận.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Bá Q phải nộp 3.219.412đ đồng án phí DSST; được khấu trừ số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000004 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An nên còn phải nộp 2.919.412đ (*Hai triệu chín trăm mười chín nghìn bốn trăm mười hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Lưu V1 phải nộp 3.219.412đ (*Ba triệu hai trăm mười chín nghìn bốn trăm mười hai đồng*)

- Ông Nguyễn Bá V phải nộp 19.316.472đ (*Mười chín triệu ba trăm mười sáu nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng*)

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Ngọc A và bà Nguyễn Thị S.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền